

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/DS-PT

Ngày: 28/9/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Phương Thanh

Bà Lê Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 65/2021/TLPT-DS ngày 24/8/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST, ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2021/QĐPT-DS, ngày 27 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm: 1971

Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1973

Đều địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện H, Thanh Hóa

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đào Xuân C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: phường S, Thành Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa - (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 22/02/2021)

**\* Bị đơn:** Ông Nguyễn Viết Đ, sinh năm 1951

Địa chỉ: Thôn 1, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa .

**\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1968 - Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

**\* Người làm chứng:** Anh Nguyễn Quốc M, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 1, xã K, huyện H, tỉnh Thanh Hóa .

Tại phiên tòa có mặt ông T, ông C, ông Đ, ông Th và anh M, vắng mặt bà H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2021, bản tự khai ngày 17/3/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn T và bà Trịnh Thị H trình bày:*

Ngày 14/12/2017, ông Nguyễn Viết Đ có hỏi vay vợ chồng ông bà số tiền là 426.000.000đ (Bốn trăm hai mươi sáu triệu đồng). Lãi suất theo quy định của ngân hàng. Thời hạn vay là 1 năm. Hai bên có xác lập hợp đồng vay tiền. Đã rất nhiều lần ông bà đến hỏi nợ ông Đ nhưng ông Đ chỉ trả cho ông bà được 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Nay ông Đ còn nợ ông bà số tiền 424.000.000đ (Bốn trăm hai mươi tư triệu đồng), đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tiền lãi: Từ ngày 14/12/2017 ông Đ chưa trả cho vợ chồng ông bà được đồng nào, nay ông bà yêu cầu ông Đ phải trả lãi là 10%/năm.

*Tại bản tự khai ngày 17/3/2021, bị đơn là ông Nguyễn Viết Đ trình bày:*

Do ông làm tổ trưởng tổ quản lý vốn vay của xã K tại Ngân hàng chính sách, lúc đó ông có giúp ông Nguyễn Đình Th ở xã X vay số tiền tính đến ngày 13/5/2017 là 432.000.000đ. Vì ông không có đủ số tiền trên nên vay lại của ông T, bà H là người cùng ở địa phương với số tiền là 380.000.000đ, lãi suất 1.500đ/triệu/ngày, cứ đều đặn khoảng 10 ngày ông lại mang tiền lãi đến trả cho ông T, bà H. Đến ngày 14/12/2017 ông T, bà H ép ông viết giấy nhận nợ với số tiền là 426.000.000đ. Ông xác nhận chữ ký tại hợp đồng ghi ngày 14/12/2017 là chữ ký của ông. Sau đó khoảng tháng 3/2018 thì ông T, bà H ép ông phải chuyển số tiền ông nợ của ông bà T, H để ông Th đứng ra trả số nợ cho ông là 380.000.000đ (Ba trăm tám mươi triệu) vì ông Th còn nợ của ông số tiền 380.000.000đ, để ông T bà H đòi nợ từ ông Th. Ông và ông Th cũng đã đồng ý, ba bên đã lập biên bản chuyển nợ nhưng ông Th không ký giấy chuyển nợ mà viết giấy nhận nợ tiền với ông T, bà H.

Nay ông T, bà H đòi nợ ông, ông khẳng định ông không còn liên quan đến ông T, bà H vì số nợ trên ông đã chuyển cho ông Th, ông không có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho ông T, bà H.

*Tại bản tự khai ngày 06/4/2021 và biên bản hòa giải của ông Nguyễn Đình Th thể hiện:*

Ông và ông Nguyễn Viết Đ xuất phát không có quan hệ quen biết nhau nhưng do ông có vay tiền của ngân hàng và khi đến ngày đáo hạn thì ông được cán bộ ngân hàng giới thiệu đến vay của ông Đ để trả tiền vào ngân hàng. Số tiền lúc đó ông vay của ông Đ là 200.000.000đ, lãi suất 2.000đ/triệu/ngày. Vì cán bộ ngân hàng hứa giải ngân cho ông trong vòng 3 ngày nhưng sau đó lại không giải ngân nên ông không trả được cho ông Đ và cứ tiếp tục nợ lãi ngày đối với ông Đ.

Đối với giấy khất nợ ngày 13/5/2017, ông bị ông Đ và con trai ông ấy đe dọa nên ông buộc phải viết giấy khất nợ với ông Đ. Ông xác nhận ông có ký vào giấy khất nợ, chữ ký đúng là của ông với số tiền nợ 432.000.000đ.

Phản chuyển nợ 3 bên, ông Đ, ông T có thỏa thuận như thế nào thì ông không biết và ông cũng không đồng ý ký vào bên vay nên ông không nhận nợ với ông T, bà H.

Đối với giấy nhận nợ ngày 15/3/2018 với ông T, bà H thì ông khẳng định không có liên quan đến ông Đ vì đó là số tiền 380.000.000đ chứ không phải số tiền ông T, bà H yêu cầu là 426.00.000đ. Ông yêu cầu ông T, bà H ghi nhận giấy nhận nợ này không có giá trị gì.

*Tại lời khai của anh Nguyễn Quốc M thể hiện:* Anh là con trai của ông Đ, theo anh được biết thì ông Đ có vay của ông T số tiền là 380.000.000đ và ông Th có vay của ông Đ là 432.000.000đ. Sau đó ông T có nhiều lần ép ông Đ trả nợ, nhưng ông Đ không lấy được nợ của ông Th, nên hai vợ chồng ông T, bà H và ông Th có đến nhà ông để làm chuyển số nợ sang cho ông Th, để ông Th là người nợ ông T chứ không phải ông Đ nữa.

*Tại bản khai của bà Nguyễn Thị H vợ ông Đ thể hiện:* Việc ông Đ vay tiền của ông T, bà H bà không biết ông vay làm gì và ông không sử dụng số tiền đó vào mục đích của gia đình.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/4/2021 các đương sự thể hiện:

Quan điểm ông T, bà H: Việc ông Đ cho rằng đã chuyển số tiền nợ trên cho ông Th thì ông bà không đồng ý vì tại thời điểm chuyển nợ ông Th không đồng ý chuyển nợ. Vì vậy ông bà yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải trả số tiền nợ 424.000.000đ (Bốn trăm hai mươi tư triệu đồng) cho vợ chồng ông bà.

Ngày 10/6/2021 Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập của ông Th. Nhưng hết thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự ông Th vẫn không đến nộp cho Tòa án biên lai nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu độc lập.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST, ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Trịnh Thị H.

2. Buộc ông Nguyễn Viết Đ có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn T, bà Trịnh Thị H số tiền nợ là: 572.635.000đ (Năm trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp ông Đ chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 28/7/2021 ông Nguyễn Viết Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm không nêu đầy đủ chứng cứ mà ông cung cấp cho Tòa án; Bản thân ông già yếu, ít hiểu biết pháp luật, ông không chấp nhận trả nợ cho ông T, bà H như án sơ thẩm tuyên;

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Buộc ông Đ phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Viết Đ hợp lệ được chấp nhận để xem xét. Tại phiên tòa vắng mặt bà Trịnh Thị H (vợ ông T), đã được triệu tập hợp lệ.

[2] Về nội dung:

\* Về số tiền nợ gốc:

Án sơ thẩm buộc ông Đ trả nợ cho ông T 426.000.000đ, theo hợp đồng vay ngày 14/12/2017. Ông Đ kháng cáo không đồng ý trả cho ông T, vì ông cho rằng ông Th cũng có vay của ông số tiền 380.000.000đ chưa trả nên ông đã chuyển cho ông Th trả nợ cho ông T.

Ông Đ đề nghị căn cứ “Giấy khất nợ” giữa ông với ông Th ngày 13/5/2017 (BL 30), ông Th nợ ông 432.000.000đ, phần dưới của giấy này có ghi “số nợ này đã chuyển cho ông Lê Văn T”, tức là ông Th phải trả cho ông T. Tuy nhiên, nội dung chuyển nợ này chỉ có chữ ký của ông T, không có chữ ký của ông Th, việc

chuyển nghĩa vụ trả nợ không có sự thỏa thuận của 3 bên, vì vậy không thể là căn cứ để xác định ông Th trả nợ cho ông T thay ông Đ.

Ngoài ra, ông Đ cho rằng tại “Giấy nhận nợ” ngày 15/3/2018 (BL 29) ông Th đã viết giấy vay ông T 380.000.000đ, đề nghị căn cứ vào giấy này để xác định ông đã chuyển nợ cho ông Th trả nợ ông T, ông T cũng đồng ý nhận nợ từ ông Th theo giấy ông Th viết vay ông, mặc dù giấy vay chỉ có chữ ký của ông Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng “Giấy nhận nợ” ngày 15/3/2018 ông Th viết nợ ông 380.000.000đ, hôm đó ông có mặt và có biết việc này, do ông Đ yêu cầu ông Th trả nợ cho ông thay cho ông Đ nên viết giấy ông Th nợ ông, ông cũng đồng ý đòi nợ ông Th. Ông T cũng thừa nhận thực tế ông không cho ông Th vay số tiền 380.000.000đ. Ông Th cho rằng “Giấy nhận nợ” ngày 15/3/2018 ông viết nợ ông T 380.000.000đ, là do ông bị ông Đ và ông T ép. Như vậy, cấp sơ thẩm chưa đánh giá chứng cứ “Giấy nhận nợ” ngày 15/3/2018, do ông Đ xuất trình có phải là giấy chuyển nợ mà 3 bên đã thống nhất hay không? Mặc dù, ông T không ký “Giấy nhận nợ” ngày 15/3/2018 ông Th viết nợ ông nhưng ông T đã chấp nhận việc ông Th trả nợ cho ông thay ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh M (con ông Đ) xuất trình USB cho rằng có nội dung trao đổi việc chuyển nợ giữa 3 bên ngày 15/3/2018. Tại cấp phúc thẩm không thể xem xét được do chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm, vì vậy anh M cần xuất trình tại cấp sơ thẩm khi xét xử lại vụ án.

Ông Đ cho rằng bị ông T ép ký giấy nhận nợ 426.000.000đ, ông Th cho rằng bị ông Đ và ông T ép ký giấy nhận nợ 380.000.000đ. Tuy nhiên, ông Đ và ông Th thừa nhận sau khi bị ép viết giấy vay nợ cả 2 ông đều không có đơn khiếu nại, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, vì vậy không có cơ sở chấp nhận việc 2 ông bị ép ký giấy vay nợ. Như vậy, có căn cứ việc ông Th nợ ông Đ 380.000.000đ và ông Đ nợ ông T 426.000.000đ, cần giải quyết trong cùng vụ án là phù hợp. Án sơ thẩm tách khoản ông Th nợ ông Đ thành vụ kiện khác là không cần thiết và chưa phù hợp thực tế vì chưa xem xét quan hệ chuyển nợ giữa 3 bên là giấy ông Th vay nợ ông T 380.000.000đ đã được ông T chấp nhận.

\* Về số tiền lãi xuất:

Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu ông Đ trả nợ số tiền lãi xuất 10%/năm, trong khi hợp đồng vay 2 bên ký thỏa thuận lãi xuất theo lãi xuất Ngân hàng. Tòa sơ thẩm đã căn cứ vào đơn khởi kiện của ông T để tuyên buộc ông Đ trả số tiền lãi cho ông T theo đơn khởi kiện của ông T là chưa đúng quy định của pháp luật, chưa phù hợp sự tự nguyện thỏa thuận giữa 2 bên. Số tiền lãi xuất theo quy định của Ngân hàng chưa được cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ, không nhận định việc chấp

nhận lãi xuất không như 2 bên thỏa thuận, cấp phúc thẩm không bổ sung được, vì vậy cấp sơ thẩm cần thu thập theo quy định khi xét xử lại.

[3] Về án phí:

Án sơ thẩm buộc ông Đ nộp án phí sơ thẩm, trong khi ông Đ đã 70 tuổi (là người cao tuổi) là chưa phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Án phí phúc thẩm ông Đ không phải nộp, Tòa sơ thẩm không yêu cầu ông Đ phải nộp tam ứng án phí Phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308; Khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Hủy án sơ thẩm số 51/2021/DS-ST, ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí phúc thăm: Ông Đ không phải nộp.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- TAND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Nga**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM**  
**CÁC THẨM PHÁN                      THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

**Lê Thu Hương**

**Lê Thị Phương Thanh**

**Nguyễn Thị Nga**